

Số: / KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (sau đây viết tắt là Đề án 100); UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung theo Đề án 100 giai đoạn 2026-2030 bảo đảm phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh Bắc Ninh.

b) Tạo lập cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc mang tính hệ thống, công khai, minh bạch, tăng cường tính giám sát, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

c) Góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phấn đấu 100% công chức (cán bộ quản lý chuyên trách) của các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc và 100% thành viên hội đồng phân hạng, đánh giá sản phẩm OCOP các cấp được tập huấn, đào tạo kiến thức quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Phấn đấu 100% tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nhu cầu trên địa bàn tỉnh được tập huấn, đào tạo kiến thức về triển khai, áp dụng và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

b) Nâng cấp, cập nhật, tích hợp, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu truy xuất cho nhiều nhóm sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

c) Phấn đấu 100% các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm đã được bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm OCOP của tỉnh có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ áp dụng truy xuất nguồn gốc.

d) Phấn đấu 100% các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng truy xuất nguồn gốc; sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh có nhu cầu được hỗ trợ triển khai truy xuất nguồn gốc.

đ) Triển khai thí điểm các mô hình điểm áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc và khuyến khích ứng dụng "hộ chiếu số của sản phẩm, nhãn điện tử" và thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

e) Thiết lập và vận hành thành công nền tảng truy xuất nguồn gốc dựa trên công nghệ blockchain cho nhóm sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao của tỉnh vào năm 2028, bảo đảm khả năng mở rộng cho các sản phẩm khác vào năm 2030.

g) Phát triển và triển khai hệ thống phân tích dữ liệu lớn (big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ cảnh báo sớm rủi ro chất lượng sản phẩm cho nhóm ngành hàng ưu tiên đến năm 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát hệ thống văn bản, hoàn thiện cơ chế chính sách về truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa

a) Rà soát các văn bản quy định về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc.

b) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tăng cường, duy trì áp dụng truy xuất nguồn gốc góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

c) Nghiên cứu, đề xuất ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể của tỉnh về việc áp dụng công nghệ Blockchain, AI, Big Data, hộ chiếu số sản phẩm và nhãn điện tử trong truy xuất nguồn gốc, bảo đảm tính pháp lý và khuyến khích triển khai đồng bộ.

d) Đề xuất cơ chế tài chính, ưu đãi thuế, hỗ trợ vốn để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào Công nghệ truy xuất nguồn gốc tiên tiến dựa trên nền tảng, công nghệ blockchain, AI, Big Data, IoT.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

a) Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc và các tài liệu hướng dẫn, áp dụng.

b) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa để người tiêu dùng quan tâm, thay đổi nhận thức.

c) Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm của các mô hình trong và ngoài tỉnh về truy xuất nguồn gốc, áp dụng các văn bản, quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế và tài liệu hướng dẫn áp dụng truy xuất nguồn gốc cho các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa của tỉnh

a) Tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng và nhu cầu áp dụng truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Xác định tiêu chí đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đủ điều kiện tham gia chương trình áp dụng truy xuất nguồn gốc của tỉnh.

c) Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đáp ứng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

d) Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh áp dụng truy xuất nguồn gốc, hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế cho sản phẩm, hàng hóa. Cung cấp miễn phí các tiêu chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có nhu cầu.

đ) Hỗ trợ tem, thiết bị in tem truy xuất nguồn gốc, quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ, giới thiệu quảng bá sản phẩm, hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân áp dụng truy xuất nguồn gốc.

e) Triển khai thí điểm các mô hình điểm áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc dựa trên Blockchain, khuyến khích ứng dụng "hộ chiếu số của sản phẩm, nhãn điện tử" và thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

g) Xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác với các sàn thương mại điện tử lớn và chuỗi siêu thị để tích hợp thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm Bắc Ninh, đặc biệt là các sản phẩm có "Hộ chiếu số", nhằm mở rộng kênh phân phối và tăng cường niềm tin người tiêu dùng.

4. Công tác quản lý nhà nước, hợp tác về truy xuất nguồn gốc

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa áp dụng truy xuất nguồn gốc. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về áp dụng truy xuất nguồn gốc.

b) Tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức về truy xuất nguồn gốc; chủ động tham gia vào các diễn đàn, hội thảo quốc tế về truy xuất nguồn gốc và công nghệ chuỗi cung ứng để học hỏi kinh nghiệm, cập nhật xu hướng và quảng bá các giải pháp của tỉnh.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của quốc gia.

d) Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế đặc biệt là các quốc gia nhập khẩu chính, để thúc đẩy việc công nhận lẫn nhau về hệ thống truy xuất nguồn gốc và "Hộ chiếu số sản phẩm" của tỉnh.

5. Vận hành, nâng cấp, mở rộng, cập nhật Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh

a) Triển khai các biện pháp theo quy định, thẩm quyền để nâng cấp, cập nhật, tích hợp 02 hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (cũ) lên nền tảng công nghệ blockchain, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia TCVN, Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, bảo đảm tính tương tác, bảo mật và truy xuất dữ liệu hiệu quả. Hệ thống mới phải đáp ứng nhu cầu

truy xuất nguồn gốc cho nhiều lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa và kết nối hai chiều với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của quốc gia.

b) Bảo đảm, duy trì sự ổn định của Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, kịp thời chỉnh sửa, khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành.

c) Xây dựng quy chế quản lý, phối hợp giữa các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm bảo đảm vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh đáp ứng các quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký áp dụng, cập nhật dữ liệu, cấp tài khoản, phê duyệt tem truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

đ) Phát triển các API (giao diện lập trình ứng dụng) mở để các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp giải pháp và các nền tảng khác có thể dễ dàng kết nối, tích hợp dữ liệu vào hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh, thúc đẩy hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc phát triển mạnh mẽ.

e) Triển khai hệ thống giám sát và phân tích dữ liệu Big Data từ các luồng thông tin truy xuất nguồn gốc để phát hiện các mẫu hình rủi ro, gian lận, hoặc các vấn đề về chất lượng sản phẩm.

g) Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng AI trong việc tự động kiểm tra, xác thực thông tin truy xuất nguồn gốc, giảm thiểu sự can thiệp thủ công và tăng cường độ chính xác.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh và được cấp hằng năm cho đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch các UBND cấp xã cụ thể hoá, xây dựng kế hoạch giai đoạn và hằng năm để tổ chức thực hiện. Trước ngày 30/11 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan thường trực, đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Đơn đốc các sở, ngành, các UBND cấp xã, các đơn liên quan thực hiện trách nhiệm triển khai Kế hoạch theo nhiệm vụ đã được phân công.

b) Tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh tăng cường áp dụng, duy trì truy xuất nguồn gốc.

c) Chủ trì, phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo, học tập kinh nghiệm các mô hình trong và ngoài tỉnh về truy xuất nguồn gốc; áp dụng các văn bản,

quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế; ban hành tài liệu hướng dẫn áp dụng truy xuất nguồn gốc cho các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Tham mưu nâng cấp, cập nhật, tích hợp, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh bảo đảm tính tương tác, bảo mật và truy xuất dữ liệu hiệu quả, đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc cho nhiều lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa và kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của Quốc gia.

đ) Hướng dẫn, khai thác và sử dụng hiệu quả Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh. Bảo đảm, duy trì sự ổn định của Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh; kịp thời chỉnh sửa, khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thí điểm các mô hình điểm áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc và khuyến khích ứng dụng "hộ chiếu số của sản phẩm, nhãn điện tử" và thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác định tiêu chí đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đủ điều kiện tham gia chương trình áp dụng truy xuất nguồn gốc của tỉnh.

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền.

i) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động truy xuất nguồn gốc trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen khi tổng kết Kế hoạch.

k) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, phát triển và quản lý hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ nền tảng truy xuất nguồn gốc Blockchain, hệ thống Big Data và AI của tỉnh; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho toàn bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Hỗ trợ truyền thông về ứng dụng công nghệ mới trong truy xuất nguồn gốc.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức, cá nhân xây dựng chuỗi giá trị sản xuất gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc.

b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP, sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý xây dựng, áp dụng truy xuất nguồn gốc gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị.

c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân được cấp mã số vùng trồng; áp dụng các tiêu chuẩn Quốc gia, quốc tế: VietGap, GlobalGap, áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử.

d) Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Thực hiện các chương trình, hoạt động về truy xuất nguồn gốc khác theo chỉ đạo của bộ chủ quản.

4. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ, giới thiệu quảng bá sản phẩm, hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc.

b) Hỗ trợ thiết kế và in ấn tem truy xuất, thiết bị in tem truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

c) Định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất UBND tỉnh ban hành Danh mục các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh, tạo cơ sở để xem xét, hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng như ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc gắn theo chuỗi giá trị.

d) Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Thực hiện các chương trình, hoạt động về truy xuất nguồn gốc khác theo chỉ đạo của bộ chủ quản.

5. Sở Y tế

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về nội dung liên quan đến truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP, sản phẩm đã được bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý xây dựng, áp dụng truy xuất nguồn gốc.

c) Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Thực hiện các chương trình, hoạt động về truy xuất nguồn gốc khác theo chỉ đạo của bộ chủ quản.

d) Theo dõi, đôn đốc các UBND cấp xã, đơn vị triển khai, tổng hợp kết quả thực hiện, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý.

6. Sở Tài chính

a) Tham mưu UBND tỉnh các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư tư nhân, vào phát triển công nghệ truy xuất nguồn gốc và xây dựng hạ tầng số phục vụ truy xuất nguồn gốc.

b) Chủ trì thẩm định dự toán, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch trong giai đoạn 2026-2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán và bảo đảm kinh phí hằng năm cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo các quy định hiện hành.

7. UBND cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

c) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm đã được bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm OCOP trên địa bàn để xây dựng, áp dụng truy xuất nguồn gốc gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị.

8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành tuyên truyền, phổ biến, vận động hợp tác xã, tổ hợp tác và liên hiệp hợp tác xã ứng dụng truy xuất nguồn gốc phẩm, hàng hóa.

b) Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác và liên hiệp hợp tác xã ứng dụng truy xuất nguồn gốc phẩm, hàng hóa.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Tuyên truyền vận động các đoàn viên, hội viên, hội viên và Nhân dân nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của việc áp dụng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa; tích cực tham gia triển khai, áp dụng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa của mình và giám sát đối với việc triển khai các nội dung của Kế hoạch.

10. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong hoạt động thông tin, tuyên truyền về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, công nghệ truy xuất nguồn gốc, các mô hình áp dụng tốt, hiệu quả về truy xuất nguồn gốc.

11. Các hội, hiệp hội và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

Chủ động đề xuất, tham gia các dự án thí điểm về ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc tiên tiến (blockchain, AI, hộ chiếu số) cho các sản phẩm của hội viên; Tổ chức các hoạt động kết nối, chia sẻ kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp trong việc áp dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc hiệu quả.

Thông tin, tuyên truyền, phổ biến về các hoạt động truy xuất nguồn gốc và phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch; hỗ trợ doanh nghiệp, hội viên xây dựng, áp dụng truy xuất nguồn gốc, kết nối tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (*để b/c*);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (*để b/c*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Bắc Ninh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.Đưng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Ghi chú
1	Rà soát hệ thống văn bản, hoàn thiện cơ chế chính sách về truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa				
1.1	Rà soát các văn bản quy định về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế	UBND cấp xã	Hàng năm	
1.2	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội nhằm kịp thời khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh tăng cường, duy trì áp dụng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	2026	
1.3	Đề xuất cơ chế tài chính, ưu đãi thuế, hỗ trợ vốn để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ truy xuất nguồn gốc tiên tiến (Blockchain, AI, Big Data, IoT).	Sở Tài chính	Các sở, ngành, cơ quan đơn vị có liên quan	2026-2028	
2	Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn				
2.1	Phổ biến, tuyên truyền các văn bản, quy định của pháp luật về quản lý, lợi ích, tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	Hàng năm	
2.2	Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm của các mô hình trong và ngoài tỉnh về truy xuất nguồn gốc, áp dụng các văn bản, quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế và ban hành tài liệu hướng dẫn áp dụng truy xuất nguồn gốc cho các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	Các UBND cấp xã	Hàng năm	

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Ghi chú
3	Áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa của tỉnh				
3.1	Tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng, nhu cầu áp dụng truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Xác định tiêu chí đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đủ điều kiện tham gia chương trình áp dụng truy xuất nguồn gốc của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	2026	
3.2	Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đáp ứng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	2026 -2027	
3.3	Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh áp dụng truy xuất nguồn gốc, hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế cho sản phẩm, hàng hóa. Cung cấp miễn phí các tiêu chuẩn Quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có nhu cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế	các UBND cấp xã	Hàng năm	
3.4	Triển khai thí điểm các mô hình điểm áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng hộ chiếu số, nhãn điện tử theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	2027	
3.5	Hỗ trợ thiết kế và in ấn tem truy xuất, thiết bị in tem truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp, HTX, cơ sở công nghiệp nông thôn từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các UBND cấp xã	Hàng năm	
3.6	Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ đối với những sản phẩm, hàng hóa áp dụng truy xuất nguồn gốc, truy xuất nguồn gốc điện tử thông qua các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các UBND cấp xã	Hàng năm	
3.7	Định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất UBND tỉnh ban	Sở Công Thương	Các sở, ngành; các	Hàng năm	

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	hành Danh mục các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh, tạo cơ sở để xem xét, hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng như ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc gắn theo chuỗi giá trị.		UBND cấp xã		
3.8	Xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác với các sàn thương mại điện tử lớn và chuỗi siêu thị để tích hợp thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm Bắc Ninh, đặc biệt là các sản phẩm có “Hộ chiếu số”.	Sở Công Thương	Các sở, ngành; các UBND cấp xã	2027-2030	
4	Công tác quản lý nhà nước, hợp tác về truy xuất nguồn gốc				
4.1	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa áp dụng truy xuất nguồn gốc. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về áp dụng truy xuất nguồn gốc.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương, Sở Y tế	các UBND cấp xã	Hàng năm	
4.2	Tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.	Sở Khoa học và Công nghệ		Hàng năm	
4.3	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của Quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ		2026-2027	
4.4	Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế để thúc đẩy việc công nhận lẫn nhau về hệ thống truy xuất nguồn gốc và “Hộ chiếu số sản phẩm” của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND tỉnh, Sở Công Thương	2027-2030	
5	Nâng cấp, cập nhật, tích hợp, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh				
5.1	Nâng cấp, cập nhật, tích hợp Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 12850:2019 và và kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của Quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế	2026	

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Ghi chú
5.2	Vận hành, duy trì sự ổn định của Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, kịp thời chỉnh sửa, khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế	Hàng năm	
5.3	Xây dựng quy chế quản lý, phối hợp giữa các sở, ngành và các cơ quan có liên quan nhằm bảo đảm vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh đáp ứng các quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế	2027	
5.4	Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký áp dụng, cập nhật dữ liệu, cấp tài khoản, phê duyệt tem truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế; các UBND cấp xã	Hàng năm	
5.5	Phát triển các API mở để các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp giải pháp và các nền tảng khác có thể dễ dàng kết nối, tích hợp dữ liệu vào hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		2027-2028	
5.6	Triển khai hệ thống giám sát và phân tích dữ liệu Big Data từ các luồng thông tin truy xuất nguồn gốc để phát hiện các mẫu hình rủi ro, gian lận, hoặc các vấn đề về chất lượng sản phẩm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	2028-2030	
5.7	Nghiên cứu và thí điểm ứng dụng AI trong việc tự động kiểm tra, xác thực thông tin truy xuất nguồn gốc.	Sở Khoa học và Công nghệ		2029-2030	

Phụ lục II
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I. Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn										
1	Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về truy xuất nguồn gốc, áp dụng các văn bản, quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế về gốc cho các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan.	504	100.8	100.8	100.8	100.8	100.8	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân	
2	Xây dựng phóng sự tuyên truyền phát trên đài PTTH tỉnh (hàng quý), 2 clip x 50tr = 100tr (Dự kiến mỗi clip phát sóng có thời lượng dự kiến 15 phút).	500	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và PTTH Bắc Ninh; Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân	
3	Học tập kinh nghiệm của các mô hình trong và ngoài tỉnh.	615	150	155	155	155		Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành; UBND	

TT	Nội dung	Kinh phí	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
									cấp xã, Tổ chức, cá nhân	
II. Áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa của tỉnh										
1	Tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng và nhu cầu áp dụng truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.	7.75	7.75						Các tổ chức, cá nhân	
2	Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đáp ứng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện của tỉnh.	140	140					Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã	
3	Hỗ trợ kinh phí cho các các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh áp dụng truy xuất nguồn gốc, hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế cho sản phẩm, hàng hóa.	2.425	485	485	485	485	485			

TT	Nội dung	Kinh phí	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4	Xây dựng mô hình điểm áp dụng hộ chiếu số, nhân điện tử cho các đối tượng có hàng hóa xuất khẩu.			-				Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, tổ chức, cá nhân	Thực hiện dưới dạng nhiệm vụ KHCN
III. Vận hành, nâng cấp, mở rộng, cập nhật Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh										
1	Nâng cấp, cập nhật, tích hợp 02 Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (cũ) lên nền tảng công nghệ Blockchain, bảo đảm tính tương tác, bảo mật và truy xuất dữ liệu hiệu quả. Hệ thống mới phải đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc cho nhiều lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa và kết nối hai chiều với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của Quốc gia.	2.040	1.600	110	110	110	110	Sở Khoa học và Công nghệ		
2	Nghiên cứu và phát triển nền tảng Blockchain, phát triển các API; ứng dụng AI, Big Data và IoT trong truy xuất nguồn gốc.	10.000	2.000	3.200	3.000	1.250	550	Sở Khoa học và Công nghệ		

TT	Nội dung	Kinh phí	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	IV. Tổ chức 01 hội nghị tổng kết	38					38	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân	
	Tổng cộng	16.269,75	4.583,55	4.150,80	3.950,80	2.200,80	1.383,80			